

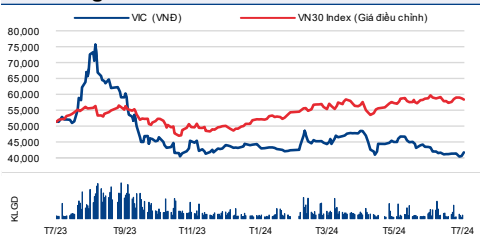
Nắm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ46,300
Tiềm năng tăng/giảm: 10.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (12/7/2024)	41,750
Mã Bloomberg	VIC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	40,400-75,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	40,930
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	157,198
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,185
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,765
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,845
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,364
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	12.8%
Tỷ lệ freefloat	27.4%
Cổ đông lớn	tịch , người liên quan (66.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	161,428	171,167	164,517
EBITDA đc (tỷ đồng)	25,914	3,854	28,459
LNTT (tỷ đồng)	13,769	4,750	(9,160)
LNT ĐC (tỷ đồng)	5,060	7,033	(5,159)
FCF (tỷ đồng)	(74,560)	(51,715)	32,508
EPS ĐC (đồng)	1,310	1,821	(1,335)
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	30,129	28,503	26,479
T.trưởng EBITDA (%)	(30.0)	(85.1)	638
T.trưởng EPS ĐC (%)	(77.8)	100	(295)
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	16.1	2.25	17.3
Tỷ suất LNTT (%)	8.53	2.77	(5.57)
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.21	2.29	(4.65)
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	203	250	251
ROAE (%)	1.75	3.55	(7.36)
ROACE (%)	3.05	8.60	2.77
EV/doanh thu (lần)	2.12	2.13	2.03
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.2	94.7	11.7
P/E ĐC (lần)	31.9	22.9	N/a
P/B (lần)	1.39	1.46	1.58
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VIC là công ty tư nhân lớn nhất VN, nhà phát triển khu dân cư & thương mại số 1. Công ty cũng sản xuất ô tô, xe máy điện & thiết bị điện tử thông minh cũng như cung cấp các dịch vụ giáo dục, khách sạn và y tế.

Chuyên viên phân tích

Hồ Thị Kiều Trang, CFA
Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Công bố doanh số Q2/2024, hoãn dự án nhà máy ở Mỹ

- Trong Q2/2024, VinFast công bố bàn giao 12.058 xe điện, tăng 24% so với quý trước và 26% so với cùng kỳ. Thông tin về doanh số của GSM đang được cập nhật.
- Dự án nhà máy tại Mỹ hiện được điều chỉnh thời gian đi vào hoạt động sang năm 2028 thay vì cuối năm 2025 như kế hoạch trước đây (và giống với dự báo của chúng tôi). Chúng tôi chưa đưa việc xây dựng và vận hành nhà máy này vào mô hình dự báo. Kế hoạch doanh số năm 2024 được điều chỉnh giảm 20% xuống 80.000 xe, vẫn cao hơn đáng kể so với dự báo của HSC.
- Mặc dù VIC gần đây đã mua lại trái phiếu chuyển đổi quốc tế trị giá 250 triệu USD nhưng HSC vẫn nhận thấy áp lực dòng tiền đáng kể do khoản vay hợp vốn lớn sẽ đáo hạn trong 12 tháng tới. HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ đối với VIC với giá mục tiêu 46.300đ.

Sự kiện: Công ty con sản xuất ô tô VFS của VIC công bố doanh số Q2/2024 và các thông tin cập nhật hoạt động khác

Cuối tuần qua, VinFast đã đưa ra thông cáo báo chí về việc bàn giao tổng cộng 12.058 xe điện trong Q2/2024, tăng 24,5% so với quý trước và 26,5% so với cùng kỳ. Công ty cũng thông báo về việc trì hoãn dự án nhà máy tại Mỹ (sát với dự báo của HSC) và điều chỉnh giảm 20% số lượng xe bàn giao năm 2024.

Số lượng xe điện bàn giao trong Q2/2024 đạt 12.058 chiếc

Trong Q2/2024, Công ty thông báo đã bàn giao 12.058 xe điện, tăng 24% so với quý trước và 26% so với cùng kỳ. Tính chung nửa đầu năm 2024, VinFast đã bàn giao tổng cộng 21.747 xe. Theo chia sẻ của VinFast với HSC trước đó, Công ty chưa xuất khẩu xe sang các thị trường mới như Indonesia và Ấn Độ. Do đó, chúng tôi cho rằng phần lớn doanh số đến từ thị trường nội địa. Chúng tôi chưa có thông tin về doanh số xe điện bàn giao cho GSM và đang chờ cuộc họp với đội ngũ quan hệ NGĐT của Công ty dự kiến diễn ra trong tuần này.

Thông báo về nhà máy tại Mỹ và kế hoạch năm 2024

VinFast cũng thông báo về việc hoãn vận hành nhà máy tại Mỹ sang năm 2028 thay vì cuối năm 2025 như kế hoạch trước đây. Điều này sát với dự báo của HSC. Chúng tôi chưa đưa nhà máy này vào trong mô hình dự báo của mình do những bất ổn về doanh số tiêu thụ tại Mỹ và nguồn vốn khả dụng.

Công ty cũng điều chỉnh giảm 20% mục tiêu doanh số năm 2024 xuống 80.000 xe vì cho rằng những thách thức kinh tế toàn cầu đòi hỏi một cách tiếp cận thận trọng hơn. Theo đó, mục tiêu doanh số cho nửa cuối năm 2024 sẽ là 58.253 xe, cao hơn dự báo của chúng tôi. HSC dự báo doanh số năm 2024 đạt 47.200 xe, tăng trưởng 35,4%.

Tính đến cuối Q1/2024, Vingroup có tổng giá trị nợ dài hạn đáo hạn trong 12 tháng tới là 73,8 nghìn tỷ đồng (khoảng 2,9 tỷ USD), được chúng tôi đánh giá là đáng kể. Gần đây, công ty thông báo đã mua lại trái phiếu chuyển đổi quốc tế trị giá 250 triệu USD trước khi đáo hạn, điều này cho thấy nỗ lực tái cấu trúc nợ của công ty. Tuy nhiên, giá trị khoản vay hợp vốn đáo hạn trong ngắn hạn vẫn còn lớn, tiếp tục gây áp lực đáng kể lên dòng tiền của tập đoàn và cần được theo dõi chặt chẽ.

Duy trì khuyến nghị Nắm giữ, giá mục tiêu 46.300đ

HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ với giá mục tiêu 46.300đ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 15/7.

Bảng 1: Số lượng xe điện Vinfast được bàn giao

Đơn vị	Q2/23	Q2/24	% y/y	6T2023	6T2024	% y/y	2024 - Công ty	2024 - HSC
Xe điện	9.535	12.058	26,5%	11.315	21.747	92%	80.000	47.200

Nguồn: VIC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	101,794	161,428	171,167	164,517	206,132
Lợi nhuận gộp	14,694	23,508	24,033	30,411	42,247
Chi phí BH&QL	(25,325)	(25,977)	(21,747)	(21,963)	(23,432)
Thu nhập khác	29,527	15,358	21,899	189	94.7
Chi phí khác	(3,140)	(4,581)	(2,319)	(2,310)	(2,216)
EBIT	15,756	8,308	21,865	6,327	16,694
Lãi vay thuần	(6,838)	(11,192)	(15,221)	(14,119)	(12,568)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(86.5)	(97.8)	29.3	37.9	44.0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	3,924	16,751	(1,924)	(1,406)	(1,406)
LNTT	12,756	13,769	4,750	(9,160)	2,764
Chi phí thuế TNDN	(10,711)	(11,713)	(10,271)	(6,409)	(7,059)
Lợi ích cổ đông thiểu số	6,738	(101)	9,450	7,926	7,599
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,782	1,955	3,928	(7,643)	3,304
Lợi nhuận thuần ĐC	10,050	5,060	7,033	(5,159)	5,788
EBITDA ĐC	37,040	25,914	3,854	28,459	37,494
EPS (đồng)	2,338	519	1,041	(2,025)	875
EPS ĐC (đồng)	2,608	1,310	1,821	(1,335)	1,498
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	3,756	3,765	3,775	3,775	3,775
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	3,765	3,775	3,775	3,775	3,775
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,845	3,853	3,863	3,863	3,863

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	26,213	27,983	3,207	7,440	9,728
Đầu tư ngắn hạn	6,736	6,999	6,999	6,999	6,999
Phải thu khách hàng	126,232	168,115	158,848	147,383	168,116
Hàng tồn kho	98,588	92,624	124,663	130,684	182,028
Các tài sản ngắn hạn khác	25,348	47,817	47,651	47,272	49,642
Tổng tài sản ngắn hạn	283,117	343,536	341,367	339,778	416,512
TSCĐ hữu hình	101,345	128,274	152,054	146,239	140,713
TSCĐ vô hình	18,398	31,931	26,754	23,528	19,856
Bất động sản đầu tư	38,307	37,538	18,616	21,755	25,007
Đầu tư dài hạn	10,661	13,066	14,455	15,984	17,665
Đầu tư vào Cty LD,LK	484	1,539	9,480	9,480	9,524
Tài sản dài hạn khác	125,096	111,772	108,684	109,261	109,905
Tổng tài sản dài hạn	294,291	324,119	330,044	326,246	322,670
Tổng cộng tài sản	577,407	667,656	671,411	666,024	739,182
Nợ ngắn hạn	48,232	116,235	113,473	98,710	82,453
Phả trả người bán	36,539	34,874	56,704	50,587	63,969
Nợ ngắn hạn khác	116,572	185,036	175,504	203,336	232,681
Tổng nợ ngắn hạn	298,412	401,298	429,002	450,779	505,128
Nợ dài hạn	119,804	97,018	97,102	85,118	107,829
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1,139	1,202	1,202	1,202	1,202
Nợ dài hạn khác	15,967	11,993	10,878	11,266	11,660
Tổng nợ dài hạn	136,910	110,213	109,182	97,586	120,692
Tổng nợ phải trả	441,752	519,434	546,035	556,216	633,670
Vốn chủ sở hữu	110,093	113,741	107,602	99,959	103,263
Lợi ích cổ đông thiểu số	25,563	34,481	17,774	9,848	2,249
Tổng vốn chủ sở hữu	135,655	148,222	125,376	109,807	105,512
Tổng nợ phải trả và VCSH	577,407	667,656	671,411	666,024	739,182
BVPS (đ)	29,239	30,129	28,503	26,479	27,354
Nợ thuần*/(tiền mặt)	141,823	185,271	207,368	176,388	180,555

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	15,756	8,308	21,865	6,327	16,694
Khấu hao	(21,284)	(17,606)	18,011	(22,132)	(20,800)
Lãi vay thuần	(6,838)	(11,192)	(15,221)	(14,119)	(12,568)
Thuế TNDN đã nộp	(4,505)	(6,880)	(10,271)	(6,409)	(7,059)
Thay đổi vốn lưu động	(3,191)	(38,984)	6,063	42,648	(3,560)
Khác	(22,090)	14,377	(21,177)	1,828	3,274
LCT thuần từ HKKD	(2,832)	(20,012)	(40,718)	48,722	13,058
Đầu tư TS dài hạn	(75,162)	(54,548)	(10,996)	(16,215)	(15,500)
Góp vốn & đầu tư	(11,637)	(26,339)	(9,330)	(1,528)	(1,725)
Thanh lý	54,265	53,069	39,080	0	0
Khác	11,573	833	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(20,960)	(26,985)	18,754	(17,743)	(17,225)
Cổ tức trả cho CSH	(3,382)	(61.0)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	4,723	10,753	(132)	0	0
Tăng/giảm nợ	30,410	38,038	(2,679)	(26,746)	6,454
Khác	0	(11.3)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	31,752	48,718	(2,811)	(26,746)	6,454
Tiền & tương đương tiền đầu kì	18,352	26,213	27,983	3,207	7,440
LCT thuần trong kỳ	7,960	1,721	(24,776)	4,233	2,288
Ảnh hưởng của tỷ giá	(98.8)	48.1	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	26,213	27,983	3,207	7,440	9,728
Dòng tiền tự do	(77,994)	(74,560)	(51,715)	32,508	(2,441)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	14.4	14.6	14.0	18.5	20.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	36.4	16.1	2.25	17.3	18.2
Tỷ suất LNT (%)	8.63	1.21	2.29	(4.65)	1.60
Thuế TNDN hiện hành (%)	84.0	85.1	216	(70.0)	255
Tăng trưởng doanh thu (%)	(19.0)	58.6	6.03	(3.89)	25.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	22.7	(30.0)	(85.1)	638	31.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	223	(49.6)	39.0	(173)	212
Tăng trưởng EPS (%)	450	(77.8)	100	(295)	143
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	225	(49.8)	39.0	(173)	212
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	8.34	1.75	3.55	(7.36)	3.25
ROACE (%)	5.62	3.05	8.60	2.77	7.43
Vòng quay tài sản (lần)	0.20	0.26	0.26	0.25	0.29
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(0.18)	(2.41)	(1.86)	7.70	0.78
Số ngày tồn kho	413	245	309	356	405
Số ngày phải thu	529	445	394	401	374
Số ngày phải trả	153	92.3	141	138	142
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	197	203	250	251	272
Nợ/tài sản (%)	42.0	38.8	40.6	38.8	39.3
EBIT/lãi vay (lần)	2.30	0.74	1.44	0.45	1.33
Nợ/EBITDA (lần)	6.55	9.99	70.7	9.08	7.75
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.95	0.86	0.80	0.75	0.82
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.94	2.12	2.13	2.03	1.64
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.07	13.2	94.7	11.7	9.02
P/E (lần)	17.9	80.4	40.1	N/a	47.7
P/E ĐC (lần)	16.0	31.9	22.9	N/a	27.9
P/B (lần)	1.43	1.39	1.46	1.58	1.53
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn